

Bản án số: 712/2022/HS-PT
Ngày 22 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 350/2022/TLPT-HS ngày 06 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Trần Văn C cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bà Nhan Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Bị cáo Trần Văn C (tên gọi khác: Trần Duy C), sinh năm: 1972; tại: huyện P, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Mua bán; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Trần Văn L (chết) và bà: Nguyễn Thị L (chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kim C và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 1999); tiền án: Ngày 23/11/2007, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 21/01/2017; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/02/2021 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa ngày 26/8/2022 mở tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ và có yêu cầu rút đơn kháng cáo nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa ngày 22/9/2022).

2. Bị cáo Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1953; tại: huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Nghỉ hưu; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Thành L (chết) và bà Trần Thị B (chết); bị

cáo có vợ là Lê Thị T và có 06 người con (lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1986); tiền án: Không; tiền sự: Không (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thanh H:* Trợ giúp viên pháp lý Ngô Nhật L - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Bị hại:*

1/ Nguyễn Thị T, sinh năm: 1969; nơi cư trú: Ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2/ Trần Thị T, sinh năm: 1962; nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

3/ Vũ Công B, sinh năm: 1962; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

4/ Trần Gia Y, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Chung cư P, phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5/ Hồ Minh T, sinh năm 1979; nơi cư trú: số 46/40/41, V, phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Lê Thị T, sinh năm: 1954; nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2/ Bà Nhan Thị T, sinh năm: 1982; nơi cư trú: Khu vực X, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Vạn T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 70 đường D6 H, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nhan Thị T : Ông Phạm Thái L, Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1963; nơi cư trú: Ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

4/ Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1970; nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

5/ Bà Lâm Thị Yến L, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Khu vực X, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 12/2019, bà Nguyễn Thị T có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng từ đất cây lâu năm lên đất thổ cư thửa đất số 231, tờ bản đồ số 08, diện tích 174,3m², tọa lạc khu vực 3, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang nên bà Nguyễn Thị T đến gặp cháu rể tên Nguyễn Bá T và nhờ Nguyễn Bá T giới thiệu liên hệ với bị cáo Trần Văn C thuê chuyển mục đích sử dụng đất với tiền công 250.000.000 đồng, được Trần Văn C đồng ý. Sau khi nhận số tiền 102.000.000 đồng (Lần thứ nhất trước ngày 03/12/2019 với số tiền 22.000.000 đồng, bà

Nguyễn Thị T đưa tiền cho Nguyễn Bá T, Nguyễn Bá T đưa lại cho Trần Văn C; Lần thứ hai cách lần thứ nhất khoảng 10 ngày với số tiền 80.000.000 đồng, Nguyễn Bá T và Trần Văn C đến nhà bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T đưa tiền cho Nguyễn Bá T, Nguyễn Bá T đưa lại cho Trần Văn C). Ngày 22/01/2020, Trần Văn C yêu cầu bà Nguyễn Thị T đến Văn phòng công chứng Trương Văn Tường chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên cho bị cáo Nguyễn Thanh H là con của Mẹ Việt Nam anh hùng để Trần Văn C được hưởng chính sách miễn, giảm thuế (Trần Văn C có nhờ Nguyễn Thanh H đứng tên hộ quyền sử dụng đất từ trước). Sau đó, Trần Văn C đến Chi cục thuế thành phố Ngã Bảy hỏi thủ tục và được trả lời trường hợp Nguyễn Thanh H không thuộc diện được miễn giảm thuế chuyển mục đích sử dụng đất. Lúc này, Trần Văn C nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 102.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T. Đồng thời, tiếp tục yêu cầu bà Nguyễn Thị T đưa thêm 90.000.000 đồng (Lần thứ ba sau ngày 22/01/2020 khoảng 03 ngày, bà Nguyễn Thị T trực tiếp đưa tiền cho Trần Văn C tại nhà mình) với lý do để đóng thuế. Sau khi được bà Nguyễn Thị T đưa thêm số tiền 90.000.000 đồng, Trần Văn C tiếp tục chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Đồng thời, cầm cố giấy tờ thừa đất của bà Nguyễn Thị T đang do Nguyễn Thanh H đứng tên cho người khác.

Được sự giới thiệu của Nguyễn Thanh N, ngày 26/02/2020 Trần Văn C nói với Nguyễn Thanh H cùng vợ tên Lê Thị T đến Văn phòng công chứng Nguyễn Hữu Trí ký tên và điểm chỉ vào hợp đồng cầm cố đất cho Lâm Thị Yến L với số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng bằng 25.000.000 đồng, tiền giới thiệu 10% bằng 50.000.000 đồng. Hai bên thống nhất cầm cố quyền sử dụng đất nhưng ký hợp đồng giả cách chuyển nhượng, nếu Trần Văn C không có khả năng trả lãi thì Yến L sẽ được toàn quyền định đoạt. Sau đó, Nguyễn Thanh H nhận 425.000.000 đồng từ Yến L đưa lại Trần Văn C và được Trần Văn C cho 20.000.000 đồng.

Khoảng 01 tháng sau, Trần Văn C tiếp tục tìm người cầm cố thừa đất của bà Nguyễn Thị T (do Nguyễn Thanh H đang đứng tên và đã cầm cố cho Yến L) cho người khác với giá cao hơn. Được Nguyễn Văn M giới thiệu, ngày 25/3/2020, Trần Văn C kêu Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T đến Văn phòng công chứng Nguyễn Hữu Trí ký hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Yến L và ký mới hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Trần Gia Y (hợp đồng giả cách). Sau đó, Nguyễn Văn M lấy 500.000.000 đồng trả cho Yến L. Số tiền còn lại sau khi đã trừ tiền giới thiệu 10% bằng 80.000.000 đồng, tiền lãi 5%/tháng bằng 40.000.000 đồng còn lại 180.000.000 đồng Nguyễn Thanh H đưa lại cho Trần Văn C. Sau đó, Trần Văn C lấy 20.000.000 đồng cho Nguyễn Thanh H. Trần Văn C đóng lãi cho Yến đến tháng 4/2020. Sau đó, Trần Văn C không còn khả năng đóng lãi nên ngày 30/6/2020 Trần Gia Y đã ủy quyền cho Hồ Minh T đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Ngã Bảy nộp hồ sơ yêu cầu chỉnh lý chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ tên Nguyễn Thanh H sang tên của Trần Gia Y. Đến ngày 07/7/2020, được chỉnh lý xong, cùng ngày Trần Gia Y đến Văn phòng công chứng Nguyễn Hữu Trí ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Nhan Thị T với giá

1.000.000.000 đồng. Nhan Thị T nộp hồ sơ và đã chính lý quyền sử dụng đất sang tên vào ngày 21/7/2020. Sau khi biết được thửa đất của mình bị Trần Văn C và Nguyễn Thanh H cầm cố, chuyển nhượng cho nhiều người, ngày 10/8/2020 bà Nguyễn Thị T đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Qua làm việc, Trần Văn C và Nguyễn Thanh H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra chứng minh được Trần Văn C còn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của 02 bị hại khác như sau:

Vụ thứ nhất: Vào tháng 01/2020, bà Trần Thị T thuê Trần Văn C chuyển mục đích sử dụng từ đất cây lâu năm lên đất thổ cư, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 25, diện tích 150m², tọa lạc khu vực 4, phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang với giá 160.000.000 đồng, thời gian chuyển mục đích sử dụng đất là 1,5 tháng. Sau đó, Võ Thị Kim H là con ruột bà Trần Thị T đưa cho Trần Văn C 03 lần với tổng số tiền 160.000.000 đồng (Lần thứ nhất không nhớ rõ thời gian với số tiền 10.000.000 đồng; Lần thứ hai vào ngày 22/3/2020 với số tiền 50.000.000 đồng; Lần thứ ba cách lần thứ hai khoảng 20 ngày với số tiền 100.000.000 đồng). Trần Văn C thừa nhận việc làm giấy cho bà Trần Thị T ký xin chuyển mục đích sử dụng đất nộp Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Ngã Bảy là để bà Trần Thị T và Kim H tin tưởng giao tiền để chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Thực tế, Trần Văn C không có ý định và không thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất cho bà Trần Thị T.

Vụ thứ hai: Vào đầu năm 2020, ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1961, nơi cư trú: ấp Mỹ Khánh A, xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Như Y, sinh năm 1979, nơi cư trú: khu vực 5, phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang phần đất diện tích 480m² (16x30m) nằm trong thửa đất số 97, tờ bản đồ số 04, tổng diện tích là 3611,2m², đất tọa lạc ấp Mỹ Khánh A, xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng với giá 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị Như Y chưa tách thửa được do đất không đủ diện tích theo quy định. Biết được sự việc trên ngày 08/11/2020, Trần Văn C gạ bán đất mà chị Nguyễn Thị Như Y đã nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Th cho Vũ Công B với giá 650.000.000 đồng. Trần Văn C dẫn ông Vũ Công B đi xem và chỉ vào đất của chị Nguyễn Thị Như Y nói đất của Trần Văn C có diện tích 1.296m² (36x36m), tường thật ông Vũ Công B đồng ý mua và đưa tiền đặt cọc cho Trần Văn C 02 lần, lần thứ nhất ngày 08/11/2020 với số tiền 70.000.000 đồng, lần thứ hai ngày 09/11/2020 với số tiền 80.000.000 đồng, tổng 150.000.000 đồng. Thỏa thuận khi nào tách thửa xong ông Vũ Công B trả hết số tiền còn lại. Sau khi nhận tiền đặt cọc xong Trần Văn C chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKS-P1, ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 30/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 25/2021/HSST-QĐ, vì thiếu chứng cứ dùng để chứng minh

một trong các vấn đề quy định tại khoản 1 Điều 85 của Bộ luật Tố tụng hình sự mà không thể bổ sung tại phiên tòa.

Ngày 19/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang có Công văn số 486/VKS-P1 về việc giữ nguyên quyết định truy tố.

Ngày 07/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 42/2021/HSST-QĐ, vì qua xét hỏi công khai tại phiên tòa, có căn cứ cho rằng ngoài hành vi Viện kiểm sát truy tố, các bị cáo còn có hành vi khác mà Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm, có căn cứ cho rằng hành vi phạm tội Viện kiểm sát truy tố chưa phù hợp với kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa. Ngoài ra, việc điều tra có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại các điểm b, d khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng hình sự và đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSHG-P1 ngày 05/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang quyết định:

Căn cứ vào các Điều 268, Điều 269, Điều 292, Điều 293, Điều 298 và Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 18 (mười tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 04 (bốn) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt chung bị cáo Trần Văn C phải chấp hành là 22 (hai mươi hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/02/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn C 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

2. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Văn C có trách nhiệm trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt cho các bị hại, cụ thể:

- Trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng);
- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 192.000.000 đồng (một trăm chín mươi hai triệu đồng);
- Trả lại cho ông Vũ Công B số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 122, 124, 127 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Thanh H ngày 22/01/2020, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo Nguyễn Thanh H, bà Lê Thị T và bà Trần Gia Y ngày 25/4/2020, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Gia Y và Bà Nhan Thị T ngày 07/7/2020 vô hiệu.

Buộc Bà Nhan Thị T có trách nhiệm giao trả lại cho bà Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Văn H quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 08, diện tích 174,3m² tọa lạc tại khu vực 3, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/5/2022, bị cáo Nguyễn Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chuyển tội danh từ tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” sang tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 09/5/2022, 13/5/2022, 16/5/2022 Bà Nhan Thị T có đơn kháng cáo và đơn bổ sung kháng cáo một phần bản án hình sự sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Công nhận cho bà Nhan Thị T được quyền sử dụng đất đối với diện tích 174,3m² tại thửa 231, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu vực 3, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. Đồng thời buộc các bên liên quan phải chịu trách nhiệm dân sự bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho bà.

Ngày 10/5/2022, bị cáo Trần Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại đơn đề ngày 07/6/2022 và tại phiên tòa phúc thẩm lưu động lần 1 (ngày 24/8/2022) tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ, bị cáo Trần Văn C xin rút toàn bộ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay :

- Bị cáo Nguyễn Thanh H thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể không yêu cầu xem xét chuyển tội danh như trình bày tại đơn kháng cáo mà chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Lý do: Bị cáo cho rằng bị cáo chỉ nghĩ giúp bị cáo Trần Văn C đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục miễn, giảm tiền thuế khi chuyển mục đích sử dụng đất, bản thân không có ý thức lừa đảo; hiện bị cáo đang mắc nhiều bệnh; bị cáo được hưởng lợi số tiền ít, đã khắc phục toàn bộ số tiền hưởng lợi; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người có nhiều thành tích trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 3, mẹ là Mẹ Việt Nam anh hùng; trong thời gian công tác đã được tặng nhiều Bằng khen của Chính Phủ, Bộ, Ngành Trung ương và UBND tỉnh Hậu Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Nhan Thị T trình bày: Bà Nhan Thị T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trình bày nêu trên. Việc bà Nhan Thị T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Gia Y là hợp pháp, ngay tình, đúng theo quy định của pháp luật nên phải được các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà. Trong trường hợp hợp đồng bị tuyên vô hiệu thì đề nghị Tòa án buộc các bên liên quan phải chịu trách nhiệm dân sự bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho bà Nhan Thị T.

Tại phần tranh luận:

- Trợ giúp viên Pháp lý bào chữa chỉ định cho bị cáo H trình bày tranh luận: Bị cáo H thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên cũng như bản án sơ thẩm về tội danh. Tuy nhiên, vai trò của bị cáo H trong vụ án này không đáng kể. Mục đích ban đầu của bị cáo H chỉ có ý định giúp cho bà Nguyễn Thị T được chuyển mục đích sử dụng đất. Bị cáo H không lường hết được sự việc sau đó bị cáo C đã có hành vi lừa đảo bà Nguyễn Thị T.

Bị cáo H có nhân thân tốt, là cán bộ về hưu, bị cáo đã khắc phục trả lại toàn bộ số tiền hưởng lợi 40.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo muốn khắc phục thay một phần cho bị cáo C trong số tiền bị cáo C chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T; hiện bị cáo đang mắc nhiều bệnh (có giấy khám bệnh kèm theo), một năm nữa là bị cáo 70 tuổi.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà Nhan Thị T tranh luận: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Gia Y với Bà Nhan Thị T đối với diện tích đất 174,3m² tại thửa 231, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu vực 3, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang là hợp pháp ngay tình, đúng theo quy định của pháp luật. Bà Trần Gia Y là người sử dụng đất, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà Nhan Thị T hoàn toàn tin tưởng bà Trần Gia Y. Bà Nhan Thị T hoàn toàn không có lỗi trong việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên nên hợp đồng chuyển nhượng này phải được pháp luật bảo vệ.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nhan Thị T, công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ nêu trên giữa bà Trần Gia Y với bà Nhan Thị T là hợp pháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Đối với bị cáo Trần Văn C: Bị cáo C đã có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Việc rút đơn kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, do đó đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo C.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H: Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo qui định của pháp luật. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo cũng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Nhan Thị T là không có cơ sở để chấp nhận vì giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo Nguyễn Thanh H, bà Lê Thị T với bà Trần Gia Y là vô hiệu do bị lừa dối nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/7/2020 giữa Trần Gia Y và Nhan Thị T cũng bị vô hiệu.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Nhan Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/5/2022 bị cáo Nguyễn Thanh H kháng cáo; ngày 09/5/2022, 13/5/2022, 16/5/2022 Bà Nhan Thị T có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung; ngày 10/5/2022 bị cáo Trần Văn C kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan làm và nộp trong hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm, được quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Đối với bị cáo Trần Văn C tại giai đoạn xét xử phúc thẩm đã rút yêu cầu kháng cáo. Xét việc rút kháng cáo của bị cáo C hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Văn C. Bản án sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo C.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thanh H và ý kiến của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của Bản cáo trạng đã truy tố và Bản án

sơ thẩm. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định được như sau:

[3.1]. Các bị cáo C và H biết rõ quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T, không phải của bị cáo C hoặc của bị cáo H nhưng đã đưa ra thông tin gian dối là đất của bị cáo H để bà Linh tin tưởng đồng ý cho vay 500.000.000đ với hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả tạo. Tuy nhiên, sau đó các bị cáo đã trả lại tiền cho bà Linh để tiếp tục thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của bà Trần Gia Y và ông Hồ Minh T. Cụ thể, bị cáo H đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Trần Gia Y (hợp đồng giả tạo) để các bị cáo chiếm đoạt của bà Trần Gia Y số tiền 100.000.000 đồng, của ông Hồ Minh T số tiền 700.000.000 đồng. Để bà Trần Gia Y và ông Hồ Minh T tin tưởng, bị cáo C đưa ra thông tin gian dối với bà Nguyễn Thị T là sẽ có người bên cơ quan thuế đến xác minh nguồn gốc đất và dặn dò bà Nguyễn Thị T khi có người đến hỏi nguồn gốc đất thì nói rằng đã bán đất cho bị cáo H, để khi phía bị hại xuống xác minh nguồn gốc đất không có tranh chấp mà tin tưởng đất thuộc quyền sử dụng của H. Bị cáo H còn làm giấy xác nhận đất không giải tỏa, không tranh chấp, không quy hoạch để các bị hại tin tưởng mua, đưa tiền cho các bị cáo.

[3.2]. Lời thừa nhận của bị cáo H phù hợp với lời khai của bị cáo C, lời khai của người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo C và bị cáo H là hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Trong đó, bị cáo Nguyễn Thanh H vai trò đồng phạm, thực hiện hành vi phạm tội do nghe theo sự sắp đặt, chỉ đạo của bị cáo C, ký các hợp đồng giả tạo chuyển nhượng, xác nhận nguồn gốc đất để bị cáo C chiếm đoạt tiền của các bị hại và bị cáo H hưởng lợi số tiền 40.000.000 đồng.

[3.3]. Xét bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức hành vi của mình, do đó phải chịu trách nhiệm do hành vi phạm tội gây ra. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hậu quả rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quan hệ sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo ý thức được quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T, không phải của bị cáo C nhưng vẫn nghe theo sự sắp đặt của bị cáo C thực hiện giao dịch chuyển nhượng giả tạo cho nhiều người giúp bị cáo C chiếm đoạt tài sản của bị hại.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo là người có công với cách mạng, có thân nhân là người có công với cách mạng; có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và trong công tác, bị cáo đã nộp lại số tiền 40.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H 07 (bảy) năm tù là xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo H và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

[4]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Nhan Thị T đề nghị sửa một phần bản án theo hướng công nhận quyền sử dụng đất của bà đối với diện tích 174,3m² tại thửa 231, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu vực 3, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang; đồng thời buộc các bên liên quan phải chịu trách nhiệm dân sự bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho bà Nhan Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1]. Ngày 25/3/2020, các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Thanh H đã dùng thủ đoạn gian dối trong việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 174,3m² (hợp đồng giả tạo) để vay tiền của bà Trần Gia Y và ông Hồ Minh T. Sau khi ký hợp đồng, bị cáo C chỉ đóng lãi đến tháng 4/2020, sau đó không đóng lãi nữa nên ngày 30/6/2020 bà Trần Gia Y đã ủy quyền cho ông Hồ Minh T đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Ngã Bảy nộp hồ sơ yêu cầu chỉnh lý chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ tên Nguyễn Thanh H sang tên của Trần Gia Y. Ngày 07/7/2020, bà Y được cập nhật tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cùng ngày bà Y đến Văn phòng Công chứng Nguyễn Hữu Trí ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Bà Nhan Thị T với giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Hiện bà Nhan Thị T đã được cập nhật tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 21/7/2020. Căn cứ các Điều 122, 127 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo H, bà Lê Thị T với bà Y ký kết ngày 25/3/2020 bị vô hiệu do bị lừa dối. Do giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo H, bà Lê Thị T với bà Y bị vô hiệu do bị lừa dối nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/7/2020 giữa bà Trần Gia Y với Bà Nhan Thị T cũng bị vô hiệu để khôi phục lại cho bà Nguyễn Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công nhận đất vẫn thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị T.

[4.2]. Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bà Nhan Thị T và luật sư cho rằng bà Nhan Thị T hoàn toàn ngay tình trong việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Trần Gia Y. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Y sang bà Nhan Thị T không bị vô hiệu. Xét thấy bà Nhan Thị T không chứng minh được trước khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Y thì bà Nhan Thị T đã có tìm hiểu và xác định được bà Y là chủ sử dụng đất thực sự mà đã nhận chuyển nhượng nên việc chuyển nhượng trên là không ngay tình theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật dân sự 2015.

[4.3]. Từ sự phân tích trên từ mục [4] đến mục [4.2], xét thấy Bản án sơ thẩm đã tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/7/2020 giữa bà Trần Gia Y và Bà Nhan Thị T vô hiệu là đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 174,3m² tại thửa 231, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu vực 3, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang cho Bà Nhan Thị T.

[4.4] Đối với kháng cáo yêu cầu buộc các bên liên quan phải chịu trách

nhệm dân sự bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho Bà Nhan Thị T, xét thấy: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm mặc dù có được cơ quan tiến hành tố tụng có đề cập nhưng bị hại Trần Gia Y và Hồ Minh T không yêu cầu bị cáo hoàn lại tiền chiếm đoạt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Nhan Thị T không yêu cầu giải quyết hoàn trả lại cho bà số tiền bà đã giao cho bà Y khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 174,3m² trong trường hợp giao dịch này bị vô hiệu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xét đến nội dung này là phù hợp Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do yêu cầu này bà Nhan Thị T chưa đặt ra để giải quyết ở cấp sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không có cơ sở giải quyết. Bà Nhan Thị T được quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo qui định của pháp luật.

[5] Từ những cơ sở phân tích tại mục [3] đến mục [4.4] nêu trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo H và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm; không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Nhan Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nhan Thị T. Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật, cần giữ nguyên như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nhan Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ, được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000109 ngày 09/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang. Sau khi cản trừ, bà Nhan Thị T đã nộp đủ án phí DSPT.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Văn C. Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo C.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Nhan Thị T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

2.1.Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều

51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2.2. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 122, 124, 127 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tuyên bố:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Thanh H ngày 22/01/2020, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo Nguyễn Thanh H, bà Lê Thị T và bà Trần Gia Y ngày 25/3/2020, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Gia Y và Bà Nhan Thị T ngày 07/7/2020 vô hiệu.

Buộc Bà Nhan Thị T có trách nhiệm giao trả lại cho bà Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Văn H quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 08, diện tích 174,3m² tọa lạc tại khu vực 3, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

3. Án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nhan Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000109 ngày 09/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang. Sau khi căn trừ, bà Nhan Thị T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Hậu Giang (1);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (1);
- Công an tỉnh Hậu Giang (1);
- Sở tư pháp tỉnh Hậu Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hậu Giang;
- Bị cáo (2); Người bào chữa;
- NLQ, NBVQLIHP;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, 25b (PMT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hoa